Người ký: Sở Tư pháp
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 29.07.2020 10:36:56 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16 /2020/NQ-HĐND	*Đồng Nai, ngày 10 tháng 7 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT

Quy định phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng khai thác, sử dụng nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên Nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên Nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất và mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 7176/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo nghị quyết quy định phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng khai thác, sử dụng nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng khai thác, sử dụng nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng khai thác, sử dụng nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân hoạt động về tài nguyên nước nộp hồ sơ thẩm định về điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng khai thác, sử dụng nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi.

b) Tổ chức, cá nhân liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng khai thác, sử dụng nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi.

3. Tổ chức thu phí

Cơ quan được thu phí theo quy định.

4. Mức thu phí

a) Mức thu phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng khai thác, sử dụng nước dưới đất.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

b) Mức thu phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

c) Mức thu phí thẩm định khai thác, sử dụng nước mặt.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo).

d) Mức thu phí thẩm định xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo).

5. Chế nộp thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

a) Cơ quan thu phí nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

b) Các nội dung liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí được thực hiện theo quy định Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí và các quy định khác có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, mức thu phí bằng 80% mức thu phí quy định tại Nghị quyết này.

2. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, mức thu phí bằng 100% mức thu phí quy định tại Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về phí thẩm định hồ sơ, điều kiện, đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng khai thác nước dưới đất; hành nghề khoan nước dưới đất; sử dụng nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 ./.

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND,TAND, CTTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đông Nai;
- Lưu VT, PTH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Phú Cường

PHỤ LỤC I

Biểu mức thu phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng khai thác, sử dụng nước dưới đất

(Kèm theo Nghị quyết số 16 /2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Đồng/đề án, báo cáo

Số TT	Nội dung thu	Mức thu lần đầu	Mức thu gia hạn, bổ sung
1	Thẩm định thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất *(đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m^3/ngày đêm)*	2.500.000	2.000.000
2	Thẩm định đề án thăm dò nước dưới đất *(đối với công trình có quy mô từ 200 m^3 đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm)*	7.500.000	6.000.000
3	Thẩm định báo cáo kết quả thi công giếng khai thác *(đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m^3/ngày đêm)*	2.500.000	2.000.000
4	Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất *(đối với công trình có quy mô từ 200 m^3 đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm)*	7.500.000	6.000.000
5	Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động *(đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m^3/ngày đêm)*	2.500.000	2.000.000
6	Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động *(đối với công trình có quy mô từ 200 m^3 đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm)*	7.500.000	6.000.000

PHỤ LỤC II

Biểu mức thu phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất

(Kèm theo Nghị quyết số 16 /2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ

Số TT	Nội dung thu	Mức thu lần đầu	Mức thu gia hạn, bổ sung
1	Thẩm định hồ sơ hành nghề khoan nước dưới đất với quy mô nhỏ *(có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 110mm và thuộc công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200m^3/ngày đêm)*	2.500.000	2.000.000
2	Thẩm định hồ sơ hành nghề khoan nước dưới đất với quy mô vừa *(có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 250mm và thuộc công trình có lưu lượng từ 200m^3/ngày đêm đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm).*	7.500.000	6.000.000

PHỤ LỤC III

Biểu mức thu phí thẩm định báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt

(Kèm theo Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Đồng/đề án, báo cáo

Số TT	Nội dung thu	Mức thu lần đầu	Mức thu gia hạn, bổ sung
1	Thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt *(đối với trường hợp chưa có công trình khai thác)*	7.500.000	6.000.000
2	Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt *(đối với trường hợp đã có công trình khai thác)*	7.500.000	6.000.000

PHỤ LỤC IV

Biểu mức thu phí thẩm định xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi

(Kèm theo Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Đồng/đề án, báo cáo

Số TT	Nội dung thu	Mức thu lần đầu	Mức thu gia hạn, bổ sung
1	Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi *(đối với lưu lượng dưới 200 m^3/ngày đêm)*	2.500.000	2.000.000
2	Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi *(đối với lưu lượng từ 200 m^3/ngày đêm đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm)*	7.500.000	6.000.000
3	Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản *(với lưu lượng từ trên 10.000m^3/ngày đêm đến dưới 30.000 m^3/ngày đêm)*	7.500.000	6.000.000